FireAnt

CTCP Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV (HNX: TD6)

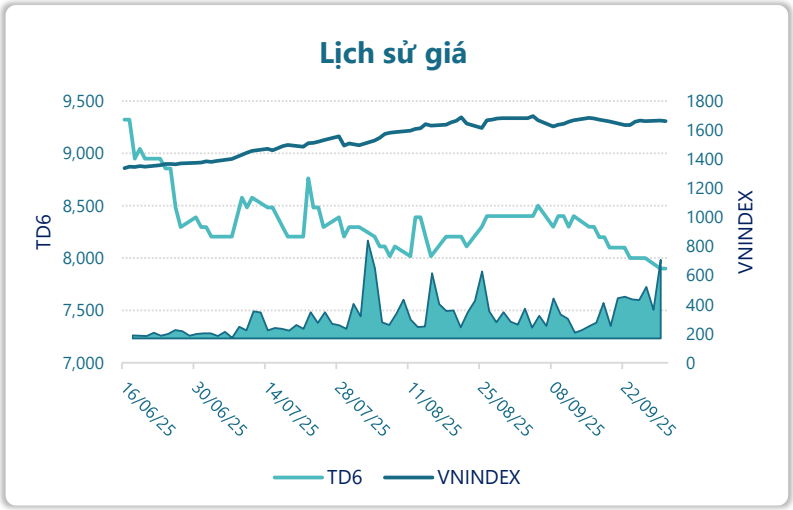

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,322
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,900
SL cổ phiếu LH	61,935,202
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,360
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	489
P/E	
EPS	

DT thuần

Q3/25

794

tỷ VNĐ

QoQ: ▼789| -49.9%

LN sau thuế

Q3/25

8.34

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.55| 44.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.9%

#VALUE!

DT thuần

9T 2025

4,065

tỷ VNĐ

LN sau thuế

9T 2025

20.2

tỷ VNĐ

ROE

Q3/25

#VALUE!

#VALUE!

Kết quả kinh doanh

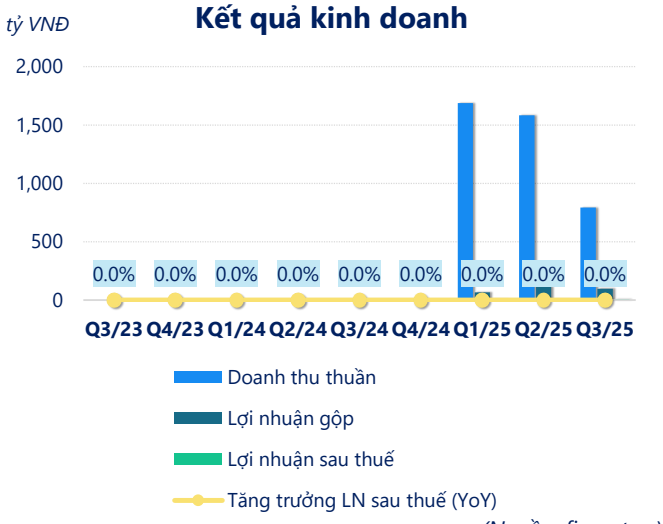

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

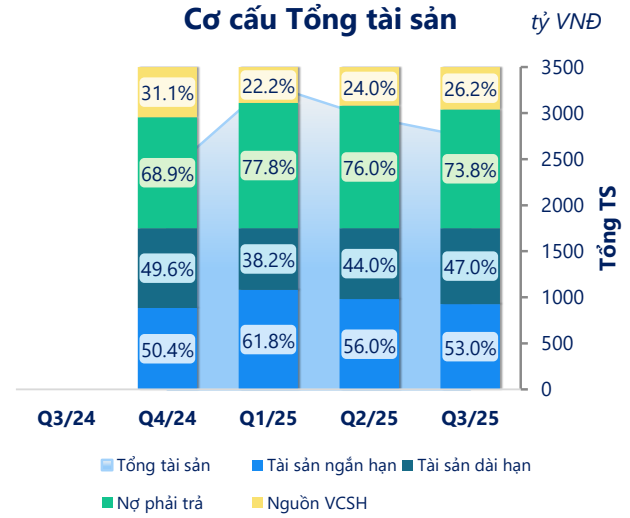

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

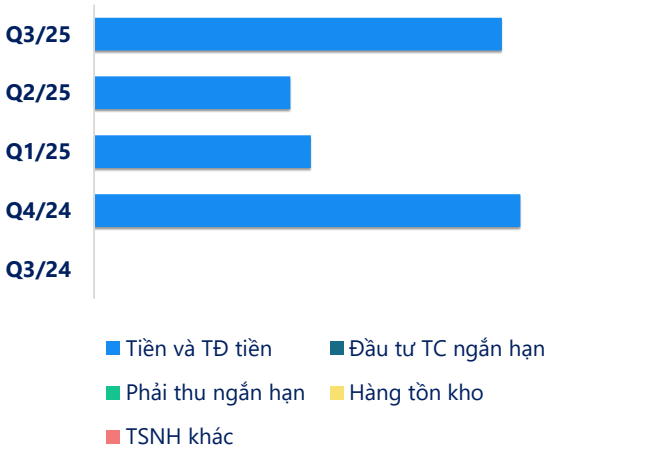

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

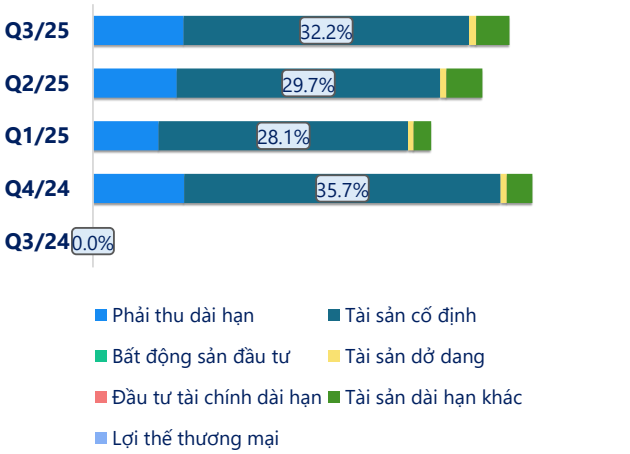

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

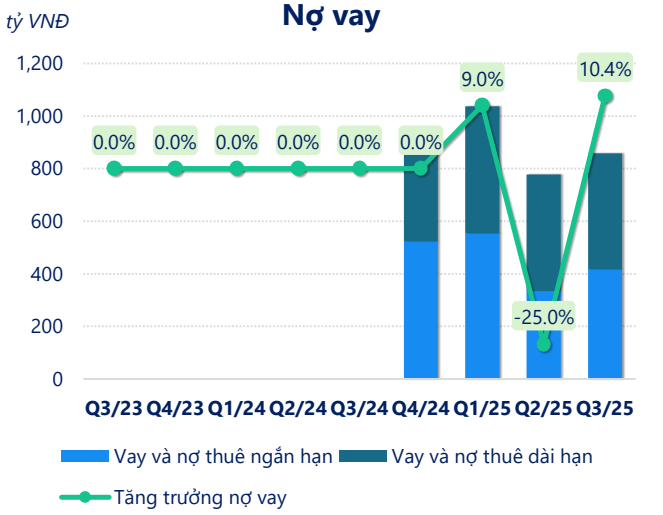

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

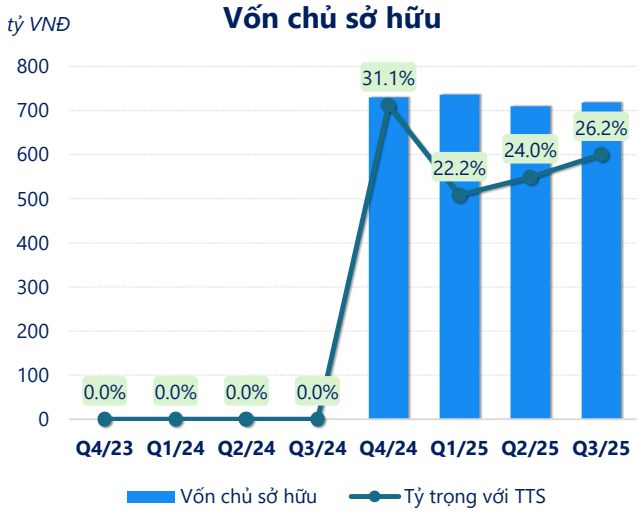

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

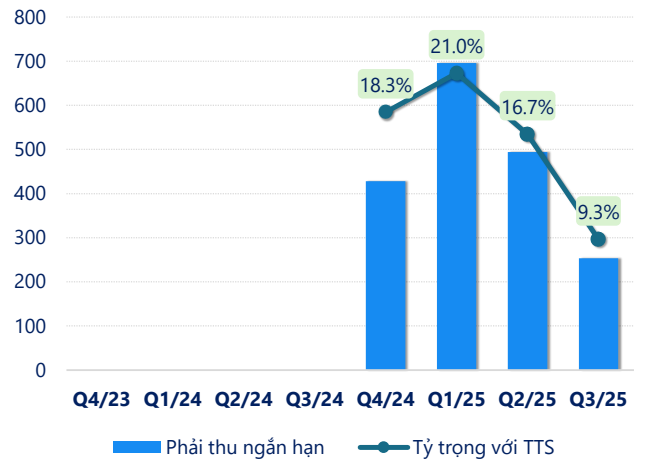

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

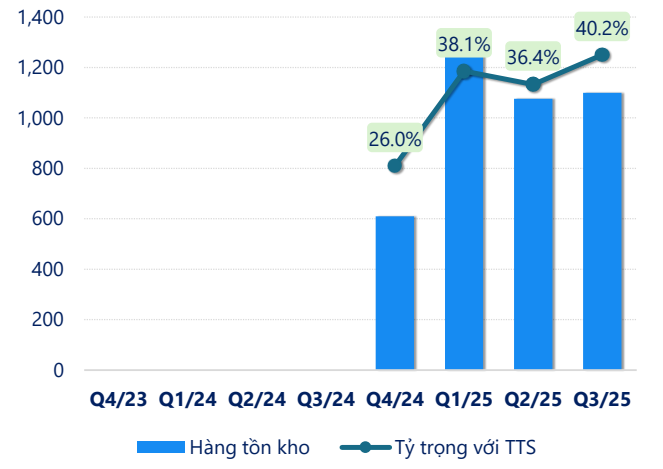

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

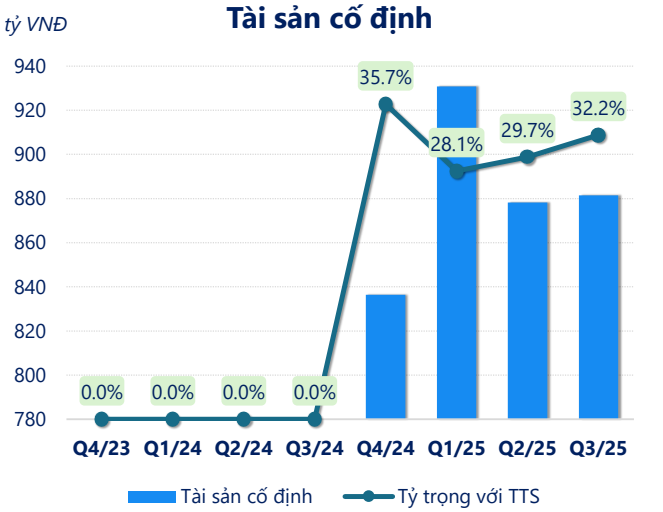

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

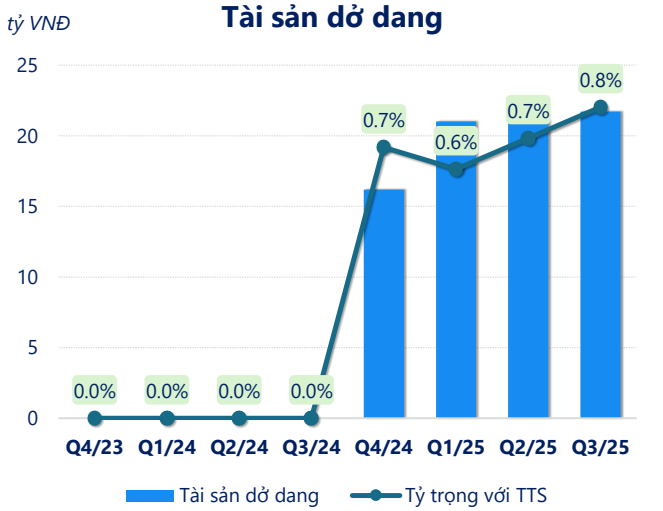

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

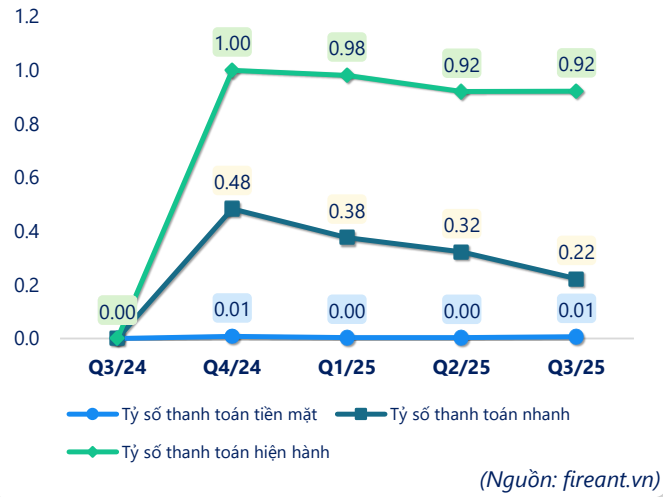

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

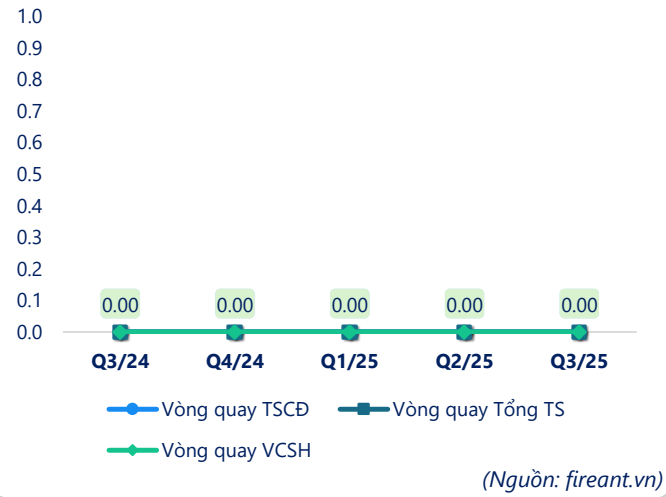

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản		**2,344**	**3,309**	**2,956**	**2,735**
Tài sản ngắn hạn		**1,182**	**2,047**	**1,657**	**1,449**
Tiền và tương đương tiền		9.40	6.75	5.45	10.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn		0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn		428	696	494	253
Hàng tồn kho		610	1,261	1,076	1,099
Tài sản ngắn hạn khác		134	83.0	80.6	86.4
Tài sản dài hạn		**1,162**	**1,263**	**1,299**	**1,286**
Phải thu dài hạn		242	246	280	280
Tài sản cố định		836	931	878	881
Bất động sản đầu tư		0	0	0	0
Tài sản dở dang		16.2	21.0	21.1	21.7
Đầu tư tài chính dài hạn		0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác		68.1	65.3	120	103
Lợi thế thương mại		0	0	0	0
Nợ phải trả		**1,614**	**2,573**	**2,246**	**2,017**
Nợ ngắn hạn		**1,183**	**2,088**	**1,801**	**1,573**
Vay và nợ thuê ngắn hạn		522	553	333	415
Phải trả người bán ngắn hạn		463	410	201	299
Nợ dài hạn		431	486	445	444
Vay và nợ thuê dài hạn		430	484	444	443
Nguồn vốn chủ sở hữu		**730**	**736**	**710**	**718**
Vốn chủ sở hữu		**730**	**736**	**710**	**718**
Vốn điều lệ		619	619	619	619
Kinh phí và quỹ khác		0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)